

Quyết định tái thẩm

Số: 44/2024/DS-TT

Ngày 14/6/2024

Vụ án: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tào.

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường và ông Lê Tự.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Nguyễn Kim P**; địa chỉ cư trú: Nhà số E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**; địa chỉ cư trú: Nhà số G A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Phạm Thị T** - Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số A A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Nguyễn Quỳnh T1; địa chỉ cư trú: Nhà số E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Trần Thị L1; địa chỉ cư trú: Nhà số E Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Trương Nguyễn Kim P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của bà (P) là do nhận chuyển nhượng của chị ruột là bà Trương Nguyễn Quỳnh T1. Thửa đất này trước đây do bà T1 nhận chuyển nhượng

của bà Trần Thị L1. Ngày 15-7-2003, bà L1 tách cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị G (mẹ bị đơn) một phần đất (đã xây dựng nhà cấp 4 và tường rào xây dựng bằng gạch kiên cố), diện tích đất còn lại, bà L1 bán cho chị bà (bà T1). Năm 2012, bà G tự ý dựng thêm bờ rào bằng cột bê tông rào lưới B40 khoảng 0,8 m qua phần đất của chị bà (bà T1) và trồng cây cối trên phần đất lấn chiếm. Năm 2021, bà (P) nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất số CU 450036, thửa đất số 686 (cũ là thửa số 92), tờ bản đồ số 39, có tổng diện tích là 3.392,1 m² của bà T1 và đo đạc lại toàn bộ diện tích. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải tháo, dỡ toàn bộ cây trồng và bờ rào để trả phần đất tự ý lấn chiếm, nhưng bà L không đồng ý. Nay, bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải tháo, dỡ toàn bộ cây trồng và bờ rào để trả lại phần đất 34,0 m² theo kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Mẹ bà là bà Nguyễn Thị G nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị L1 với diện tích 960 m², trong đó có 810 m² đất trồng cây lâu năm và 150 m² đất ở, thuộc thửa đất số 92 a, tờ bản đồ 39, với kích thước chiều rộng theo tỉnh lộ 1 là 12 m, chiều sâu 80 m, tại thôn H, xã E, huyện B. Việc chuyển nhượng được lập bằng văn bản (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E). Sau khi nhận chuyển nhượng, mẹ bà (Gần) xây nhà cấp 4, trồng các cây lâu năm và dựng hàng rào xung quang thửa đất nhận chuyển nhượng. Tại thời điểm dựng hàng rào B40 và trồng các cây giáp ranh với thửa đất số 686 (số cũ 92), tờ bản đồ 39, thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Trương Nguyễn Quỳnh T1, thì bà T1 không có ý kiến hay phản đối việc mẹ bà dựng bờ rào và trồng cây giáp ranh với thửa đất của bà T1.

Đến năm 2009, mẹ bà tặng cho lại toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho bà và bà đã sử dụng ổn định từ thời điểm đó cho đến nay. Từ lúc mẹ bà nhận chuyển nhượng đến thời điểm bà được tặng cho quyền sử dụng đất và cho đến nay, thửa đất vẫn sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Ranh giới trên thực tế giáp ranh với thửa đất số 686 (số cũ 92), tờ bản đồ 39 vẫn giữ nguyên, không có sự lấn chiếm hay thay đổi hiện trạng gì. Ngày 04-3-2021, bà Trương Nguyễn Kim P mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và khi nhận chuyển nhượng, bà P đã xem xét ngoài thực địa, đồng ý nhận chuyển nhượng và làm thủ tục chuyển nhượng. Nay, bà Trương Nguyễn Kim P khởi kiện về việc bà (L) lấn chiếm đất diện tích 34 m² theo yêu cầu đo Trích lục thửa đất của bà P là không có căn cứ; đồng thời, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Nguyễn Quỳnh T1 trình bày:

Ngày 19-01-2021, bà (Trâm) có sang nhượng lại thửa đất số 686 (số cũ 92), tờ bản đồ số 39, có diện tích 3.392,1 m² tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Trương Nguyễn Kim P. Bà đã bàn giao đất theo hiện trạng quyền sử dụng đất được Nhà nước công nhận (Mặt tiền tỉnh lộ 1 có chiều dài 17 m). Hiện nay, bà

Nguyễn Thị Kim L không giao trả phần đất lấn chiếm, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

(Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định trên phần đất tranh chấp gồm có các tài sản: Bờ rào B40 trụ bê tông rào dọc theo lô đất mở rộng từ bờ tường rào cố định, rào sâu ra hết phần đất của bà Nguyễn Thị Kim L. Trên đất có 01 hầm rút xây thành có tấm đan đập lại, 03 cây cau vua, 01 cây khế, 01 cây điều thường, 01 cây hoa giấy, 01 cây thân tài và một số loại cây hoa khác.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 19-8-2022, Hội đồng định giá tài sản xác định: Đất, cây trồng và vật kiến trúc khác có tổng giá trị là 141.980.300 đồng; diện tích đất tranh chấp 34,0 m² có giá thị trường là 135.000.000 đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 17-12-2022, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 186, Điều 187, Điều 188, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 166 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Kim P.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L trả lại diện tích đất lấn chiếm 34,0 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Trương Nguyễn Kim P (Chi tiết phần đất phải trả theo Trích lục sơ đồ địa chính số 1557/TL-CVBD-KTĐC ngày 23-6-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải tháo dỡ, di dời bờ rào B40 trụ bê tông rào dọc theo lô đất mở rộng từ bờ tường rào cố định rào sâu ra hết phần đất của bà Nguyễn Thị Kim L, trên đất có 01 hầm rút xây thành có tấm đan đập lại, 03 cây cau vua, 01 cây khế, 01 cây điều thường, 01 cây hoa giấy, 01 cây thân tài và một số loại cây hoa khác trên phần đất lấn chiếm 34.0 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22-12-2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 162/2023/DS-PT ngày 20-4-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 07-12-2022 của Tòa án nhân huyện B.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 186, Điều 187, Điều 188, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166 và 203 của Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Kim P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 34 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và phải tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 rào dọc theo lô đất mở rộng từ bờ rào cố định rào sâu ra hết phần đất của bà Nguyễn Thị Kim L cho bà Trương Nguyễn Kim P (Chi tiết theo Trích lục hồ sơ địa chính số 1556/TL-CNBD-KTĐC ngày 23-6-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Kim P về buộc bà Nguyễn Thị Kim L tháo, dỡ toàn bộ cây trồng, hầm rút trên diện tích đất lấn chiếm 34 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39 tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Giao các tài sản gồm: 01 hầm rút xây thành có tấm đan đập lại, 03 cây cau vua, 01 cây khế, 01 cây điều thường, 01 cây hoa giấy, 01 cây thần tài và một số loại cây hoa khác trên diện tích đất lấn chiếm 34 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39 tại thôn H, xã E, huyện B cho bà Trương Nguyễn Kim P được quyền sở hữu.

3. Buộc bà Trương Nguyễn Kim P phải thanh toán giá trị các tài sản, cây trồng gắn liền với diện tích đất lấn chiếm 34 m² và hỗ trợ di dời hàng rào lưới B40 tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39 tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền tổng cộng là 6.980.300 đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim L.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-7-2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Đơn của bà Trương Nguyễn Kim L2 đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 162/2023/DS-PT ngày 20-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; ngày 21-12-2023 bà L2 tiếp tục có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 13/KN-DS ngày 10-5-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 162/2023/DS-PT ngày 20-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 17-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp

nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị tái thẩm số 13/KN-DS ngày 10-5-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Diện tích đất của nguyên đơn và của bị đơn đều có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị L3, bà L3 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 218875 QSDĐ/RH ngày 21-8-2000, gồm thửa đất số 92 có diện tích 3.862 m² và thửa số 64 có diện tích 2.548 m². Năm 2003, bà L3 tách thửa đất số 92, tờ bản đồ số 39 thành 02 thửa: (1) thửa đất số 92 có diện tích 3.392,1 m² và (2) thửa đất số 92 a có diện tích 960 m².

[2]. Theo trình bày của nguyên đơn (bà Trương Nguyễn Kim P) và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trương Nguyễn Quỳnh T1), thì nguồn gốc thửa đất mà bà T1 chuyển nhượng lại cho bà P là do trước đó bà T1 nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21-8-2000, thể hiện: Bà Trần Thị L1 chuyển nhượng cho bà Trương Nguyễn Quỳnh T1 diện tích 5.420 m² đất, tại thửa đất số 92 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 39, tại Mục 4 của Hợp đồng thể hiện: “*Các cam kết khác: Mặt tiền tỉnh lộ ngang 17 m*”, trong hợp đồng chuyển nhượng không ghi tứ cận, không có biên bản bàn giao thực địa và không có công chứng, chứng thực. Theo Hợp đồng chuyển nhượng này, thì bà T1 nhận chuyển nhượng diện tích 5.420 m² đất và mặt tiền tỉnh lộ 1 ghi ngang 17 m, nhưng ngày 10-9-2020, bà T1 lại được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 450036 đối với thửa đất số 686 (số 92 cũ), tờ bản đồ số 39, chỉ có diện tích 3.392,1 m², nhưng chiều rộng mặt tiền theo tỉnh lộ 1 vẫn là 17 m; đến ngày 04-03-2021, đã được điều chỉnh biên độ tại Trang 04 cho nguyên đơn là bà Trương Nguyễn Kim P.

Như vậy, có sai lệch về diện tích đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Nguyễn Quỳnh T1 để xác định lý do gì mà bà T1 được cấp quyền sử dụng đất có diện tích ít hơn so với diện tích nhận chuyển nhượng; cơ sở nào bà T1 được cấp diện tích đất 3.392,1 m²; vì sao tổng diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít hơn so với diện tích ghi trong hợp đồng nhận chuyển nhượng, nhưng chiều rộng mặt tiền theo tỉnh lộ 1 vẫn đủ 17 m; khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 có Biên bản đo đạc thực địa, có ký giáp ranh tứ cận của các hộ liền kề không.

[3]. Ngày 04-08-2003, bà Trần Thị L1 chuyển nhượng cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị G diện tích 960 m² đất tại thửa đất số 92 (cũ), tờ bản đồ số 39 cũng không ghi chiều dài các cạnh và tứ cận. Sau đó, bà G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 140687 đối với thửa đất số 92 a, tờ bản đồ số 39, diện tích 960 m², chiều rộng theo tỉnh lộ 1 dài 12 m. Ngày 16-11-2009, bà G tặng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L toàn bộ diện tích đất nêu trên. Theo trình bày của bị đơn (bà L), thì từ lúc nhận chuyển nhượng đến thời điểm bà L được tặng cho quyền sử dụng đất cho đến nay, thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp với

ai, ranh giới trên thực tế giáp ranh với thửa đất số 686 (số cũ 92), tờ bản đồ số 39 vẫn giữ nguyên, không có thay đổi hiện trạng; ngày 04-3-2021, nguyên đơn (bà P) mới nhận chuyển nhượng đất, khi nhận chuyển nhượng bà P đã được bà T1 bàn giao đất ngoài thực địa và đồng ý nhận chuyển nhượng.

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, thể hiện: “Đối với lô đất của bà L và bà P theo đường tỉnh lộ 1, có tổng chiều dài 28,50 m. Phần đất bà L từ nhà hàng T2 qua phía bờ rào B40 giáp nhà bà P có chiều dài 12,30 m. Phần đất bà P là 16,20 m. Phía sau đuôi lô đất của bà L từ nhà hàng T2 qua là 12,75 m” và Trích lục bản đồ địa chính số 1556 ngày 23-6-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện: “Thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39, diện tích 1630,0 m², chiều ngang theo tỉnh lộ 1 là 16,20 m”, từ đó giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Kim P, buộc bà Nguyễn Thị Kim L trả lại diện tích 34 m² của thửa đất số 686, tờ bản đồ số 39, tại thôn P, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk mà chưa làm rõ sự sai lệch về diện tích đất như phân tích tại mục [2.1] là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[4]. Bà L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm và đồng thời xuất trình chứng cứ mới là Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thực hiện ngày 17-5-2023. Theo Trích lục này, thì diện tích đất thực tế bà L đang sử dụng là 949 m², thiếu 11 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (chiều ngang theo tỉnh lộ 1 là 11,20 m) và chiều ngang bao gồm cả phần đang tranh chấp mới đủ 12 m theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Xem xét, đối chiếu Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn với Trích lục bản đồ địa chính số 1556 ngày 23-6-2022 trích đo diện tích đất của thửa đất số 686 (số cũ 92) của nguyên đơn (bà P) và Trích lục bản đồ địa chính ngày 17-5-2023 trích đo diện tích đất của bị đơn (bà L), thì các số liệu là khác nhau, do đó cần xem xét thẩm định, trích đo lại cả diện tích đất của bà P và bà L để xác định bị đơn (bà L) có lấn chiếm đất của nguyên đơn không.

Xét thấy, Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thực hiện ngày 17-5-2023, do bị đơn (bà L) cung cấp là tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351; Điều 352 và Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 13/KN-DS ngày 10-5-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 162/2023/DS-PT ngày 20-4-2023 của Tòa án nhân

dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 17-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào